

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI
VÀ THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 22/2023/CV-KT
“V/v: Giải trình lợi nhuận trước thuế lớn hơn
10% so với năm trước”

Hải Phòng, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (Mã chứng khoán: TJC) xin giải trình nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2022 nhiều hơn 10% so với năm trước như sau:

Tiếp tục đà khởi sắc từ năm 2021, thị trường vận tải biển quốc tế vẫn duy trì sự tăng trưởng vượt trội trong nửa đầu năm 2022, nguồn hàng vận chuyển ổn định, giá cước vận chuyển tăng mạnh nên mặc dù tàu Transco Glory mất 01 tháng không vận doanh do sửa chữa định kỳ và thuyền viên bị dịch bệnh covid và giá cước vận tải bắt đầu suy giảm từ quý 3/2022 nhưng doanh thu vận tải biển cả năm 2022 vẫn đạt 157,2 tỷ đồng, tăng 14,1% so với năm 2021. Chi phí vận tải biển năm 2022 là 143,65 tỷ đồng, tăng 15,52% so với năm 2021 (chủ yếu do giá nhiên liệu tăng cao). Lợi nhuận từ hoạt động vận tải biển năm 2022 đạt 13,55 tỷ đồng, tăng 0,8% so với năm trước. Hoạt động dịch vụ vẫn duy trì ổn định và đem lại khoản lợi nhuận 121 triệu đồng cho Công ty trong năm 2022. Lợi nhuận khác năm 2022 đạt 45,3 tỷ đồng, tăng 5.882% so với năm 2021 trong đó chủ yếu do Công ty thu được khoản lợi nhuận đột biến từ việc bán thanh lý tàu Transco Sky là hơn 44 tỷ đồng.

Từ những nguyên nhân trên, kết thúc năm 2022, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty đạt 167,44 tỷ đồng, tăng 15,75% so với năm trước; lợi nhuận trước thuế đạt 60,246 tỷ đồng, tăng 249,43% so với năm 2021.

Trân trọng báo cáo!

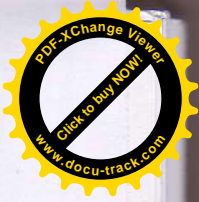
Nơi nhận

- Như k/g
- Lưu KT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Lê Tất Hùng
GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 06 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Bảo Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30/11/2022
Ông Lê Duy Hiệp	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 30/11/2022
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch	
Ông Lê Tất Hưng	Thành viên	
Bà Phạm Thị Anh Thư	Thành viên	
Ông Tạ Mạnh Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/11/2022

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

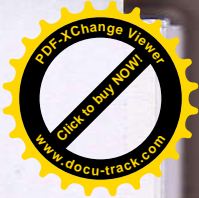
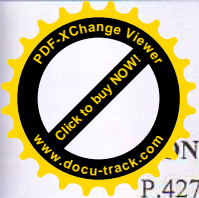
Ông Lê Tất Hưng	Giám đốc	
Ông Phan Duy Vân	Phó Giám đốc	
Ông Trần Trọng Tâm	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2023
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Hồng Quang	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Kim Lan	Thành viên	
Ông Mai Trọng Tài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/11/2022
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/11/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

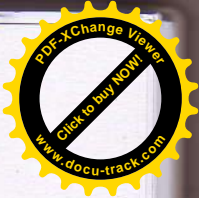
Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 09 tháng 03 năm 2023

ST
TU
CO
HNG
IG
M
A
NI
TR
C



Số: 090323.010/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được lập ngày 09 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

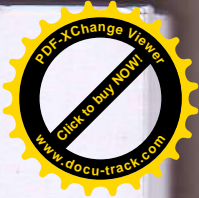
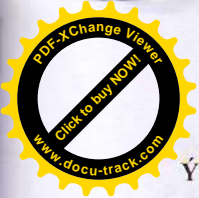
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2023

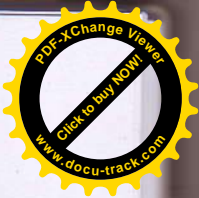
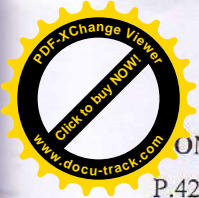
Đỗ Hoàng Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5220-2020-002-1





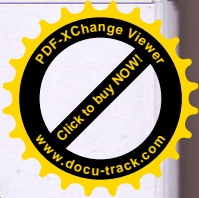
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
 P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
 Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		142.156.669.754	83.248.629.076
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	53.758.605.295	7.851.323.417
111	1. Tiền		51.758.605.295	7.851.323.417
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	60.200.000.000	57.200.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		60.200.000.000	57.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		13.189.578.292	7.349.293.473
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.822.095.576	3.423.719.876
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	9.013.772.099	3.126.811.281
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.371.019.262	1.553.372.513
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.017.308.645)	(754.610.197)
140	IV. Hàng tồn kho	9	6.051.197.117	5.220.725.273
141	1. Hàng tồn kho		6.051.197.117	5.220.725.273
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.957.289.050	5.627.286.913
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.336.182.485	602.482.885
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.616.106.565	4.922.804.079
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	5.000.000	101.999.949
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		31.925.426.050	53.837.794.038
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		85.500.000	85.500.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	85.500.000	85.500.000
220	II. Tài sản cố định		29.684.378.175	52.456.480.642
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	22.411.290.962	45.165.060.093
222	- Nguyên giá		73.449.923.595	160.432.381.048
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(51.038.632.633)	(115.267.320.955)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	7.273.087.213	7.291.420.549
228	- Nguyên giá		7.310.296.000	7.310.296.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(37.208.787)	(18.875.451)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.648.649.162	978.835.810
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1.648.649.162	978.835.810
260	VI. Tài sản dài hạn khác		506.898.713	316.977.586
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	8.822.915	316.977.586
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30a	498.075.798	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		174.082.095.804	137.086.423.114



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Tòa nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
 Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		21.587.777.577	24.319.976.087
310	I. Nợ ngắn hạn		21.587.777.577	24.319.976.087
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	7.395.406.218	9.019.946.208
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	220.918.038
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	9.189.365.102	168.186.780
314	4. Phải trả người lao động		3.854.248.074	4.948.976.284
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	-	627.301.156
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	104.515.996	101.507.622
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	-	4.773.180.587
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	4.077.328.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.044.242.187	382.631.412
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		152.494.318.227	112.766.447.027
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	152.494.318.227	112.766.447.027
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		86.000.000.000	86.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		86.000.000.000	86.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.007.985.000	5.007.985.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.028.443.507	8.166.356.695
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		52.457.889.720	13.592.105.332
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		3.095.514.945	(3.649.630.912)
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		49.362.374.775	17.241.736.244
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		174.082.095.804	137.086.423.114

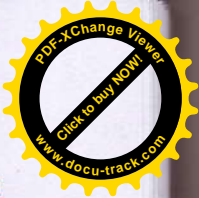
Trần Thị Thanh Nhạn
 Người lập

Trần Thị Thanh Nhạn
 Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng
 Giám đốc

Hải Phòng, ngày 09 tháng 03 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	167.446.381.528	144.660.728.166
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		167.446.381.528	144.660.728.166
11	4. Giá vốn hàng bán	22	144.626.701.657	120.711.785.688
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.819.679.871	23.948.942.478
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	4.921.062.188	3.207.705.586
22	7. Chi phí tài chính	24	3.693.458.906	246.285.362
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		244.507.069	104.171.765
25	8. Chi phí bán hàng	25	842.906.880	2.144.208.256
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8.302.677.264	8.282.675.573
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.901.699.009	16.483.478.873
31	11. Thu nhập khác	27	45.910.653.716	1.164.690.828
32	12. Chi phí khác	28	566.307.197	406.433.457
40	13. Lợi nhuận khác		45.344.346.519	758.257.371
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		60.246.045.528	17.241.736.244
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	11.381.746.551	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30b	(498.075.798)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>49.362.374.775</u>	<u>17.241.736.244</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	5.395	1.885

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

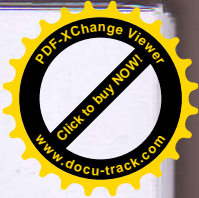


Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập

Trần Thị Thanh Nhạn
Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 09 tháng 03 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		165.597.499.747	143.590.624.466
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(120.088.515.738)	(91.519.153.884)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(24.456.284.278)	(17.223.982.746)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(247.241.973)	(101.254.591)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.096.631.500)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.337.057.703	2.344.105.626
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.377.178.056)	(3.792.762.210)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>17.668.705.905</i>	<i>33.297.576.661</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(10.116.981.428)	(6.471.237.654)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		54.074.036.680	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(135.600.000.000)	(100.337.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		132.600.000.000	64.137.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.674.151.880	2.115.999.656
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>44.631.207.132</i>	<i>(40.555.237.998)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		21.034.555.535	17.502.311.710
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(26.294.998.871)	(12.549.929.568)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.600.000.000)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(13.860.443.336)</i>	<i>4.952.382.142</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>48.439.469.701</i>	<i>(2.305.279.195)</i>
60	<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>		<i>7.851.323.417</i>	<i>10.176.461.528</i>
61	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>		<i>(2.532.187.823)</i>	<i>(19.858.916)</i>
70	<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	3	53.758.605.295	7.851.323.417

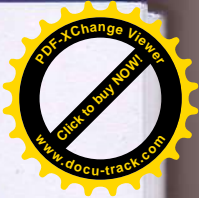


Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập

Trần Thị Thanh Nhạn
Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 09 tháng 03 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 06 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 86.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 86.000.000.000 đồng; tương đương 8.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 66 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 75 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải đường bộ và vận tải biển.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý: tàu biển, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hóa, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước: cung ứng và cho thuê thuyền viên;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2022, hoạt động vận tải biển trong nước và quốc tế tiếp tục diễn biến rất thuận lợi với giá cước liên tục duy trì ở mức cao cũng như năng lực quản lý khai thác ngày tàu vận hành được nâng cao. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã hoàn tất việc thanh lý tàu Transco Sky theo như kế hoạch đã đề ra. Do vậy, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm nay tăng trưởng mạnh so với năm trước. Thông tin chi tiết được trình bày tại các Thuyết minh số 21, 22 và 27.

Cấu trúc doanh nghiệp

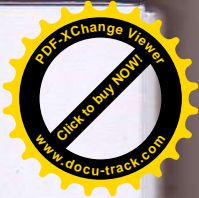
Công ty có đơn vị trực thuộc là chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ vận tải.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc. Các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc được hạch toán chung tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

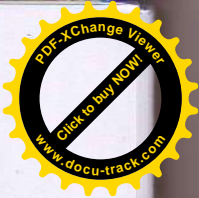
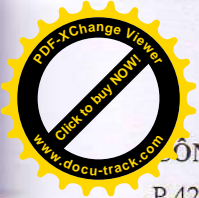
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 năm



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

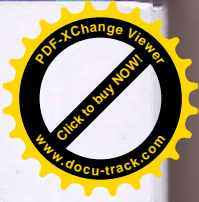
2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

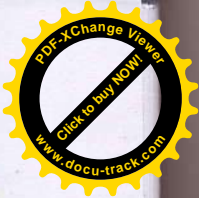
Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí đi vay vốn; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là lĩnh vực vận tải biển quốc tế nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	36.043.293	341.505.870
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	51.722.562.002	7.509.817.547
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	-
	<u><u>53.758.605.295</u></u>	<u><u>7.851.323.417</u></u>

Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 2.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất 6%/năm.

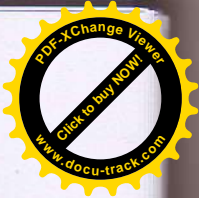
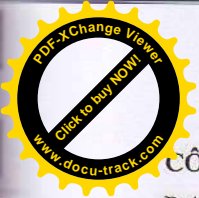
4 . ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	60.200.000.000	-	57.200.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	60.200.000.000	-	57.200.000.000	-
	<u><u>60.200.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>57.200.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

Tại ngày 31/12/2022, các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng có giá trị 60.200.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,05%/năm đến 9,3 %/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội	751.539.600	-	1.052.687.400	-
	<u><u>751.539.600</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>1.052.687.400</u></u>	<u><u>-</u></u>
Bên khác				
Woongji Shipping Company Limited	1.322.518.065	(925.762.645)	1.326.128.395	(663.064.197)
Công ty TNHH MTV Tâm Minh Đức	530.447.676	-	656.594.483	-
Công ty Cổ phần Logistics U&I - Miền Bắc	973.224.235	-	88.168.000	-
Phải thu khách hàng khác	244.366.000	(91.546.000)	300.141.598	(91.546.000)
	<u><u>3.070.555.976</u></u>	<u><u>(1.017.308.645)</u></u>	<u><u>2.371.032.476</u></u>	<u><u>(754.610.197)</u></u>
	<u><u>3.822.095.576</u></u>	<u><u>(1.017.308.645)</u></u>	<u><u>3.423.719.876</u></u>	<u><u>(754.610.197)</u></u>



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

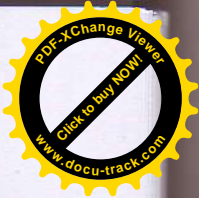
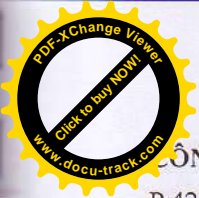
	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán chi tiết theo đối tượng có số dư lớn				
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng	-	-	2.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng GM	8.452.201.963	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	561.570.136	-	426.811.281	-
	<u>9.013.772.099</u>	<u>-</u>	<u>3.126.811.281</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	920.523.288	-	698.958.767	-
Tạm ứng	413.376.764	-	747.468.119	-
Phải thu khác	37.119.210	-	106.945.627	-
	<u>1.371.019.262</u>	<u>-</u>	<u>1.553.372.513</u>	<u>-</u>
Bên liên quan				
Ông Phan Duy Vân	10.000.000	-	-	-
Ông Trần Trọng Tâm	15.821.600	-	58.505.600	-
	<u>25.821.600</u>	<u>-</u>	<u>58.505.600</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	85.500.000	-	85.500.000	-
	<u>85.500.000</u>	<u>-</u>	<u>85.500.000</u>	<u>-</u>

8 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Woongji Shipping Company Limited	1.322.518.065	396.755.420	1.326.128.395	663.064.198
- Ông Bùi Văn Hật	91.546.000	-	91.546.000	-
	<u>1.414.064.065</u>	<u>396.755.420</u>	<u>1.417.674.395</u>	<u>663.064.198</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.051.197.117	-	5.220.725.273	-
	<u>6.051.197.117</u>	<u>-</u>	<u>5.220.725.273</u>	<u>-</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.648.649.162	217.269.697
- Dự án Xây dựng tòa nhà văn phòng và cho thuê (*)	1.648.649.162	217.269.697
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	761.566.113
- Sửa chữa lớn Tàu Transco Glory	-	761.566.113
	<u>1.648.649.162</u>	<u>978.835.810</u>

(*) Tên dự án: Xây dựng tòa nhà văn phòng và cho thuê Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại

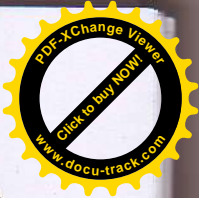
- Địa điểm xây dựng: số 05 lô 2B, Khu đô thị mới Ngã năm Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Mục đích xây dựng: xây dựng nhà văn phòng làm việc và cho thuê văn phòng làm việc;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại;
- Nguồn vốn đầu tư: 100% vốn tự có của Công ty;
- Quy mô của dự án: tổng diện tích sàn 2.665 m2 với 5 tầng nổi, 1 tầng hầm, 1 tầng lửng, 1 tầng áp mái kết cấu bê tông cốt thép;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: khoảng 40.584.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT);
- Dự án bắt đầu triển khai từ tháng 8/2022 và dự kiến hoàn thành sau 12 tháng kể từ ngày khởi công công trình;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2022: Dự án đã khởi công xây dựng và đã hoàn thành xong phần móng, tầng hầm và sàn tầng 1.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	160.396.971.617	35.409.431	160.432.381.048
- Thanh lý tàu Transco Sky	(86.982.457.453)	-	(86.982.457.453)
Số dư cuối năm	<u>73.414.514.164</u>	<u>35.409.431</u>	<u>73.449.923.595</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	115.231.911.524	35.409.431	115.267.320.955
- Khấu hao trong năm	12.730.408.770	-	12.730.408.770
- Thanh lý tàu Transco Sky	(76.959.097.092)	-	(76.959.097.092)
Số dư cuối năm	<u>51.003.223.202</u>	<u>35.409.431</u>	<u>51.038.632.633</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	45.165.060.093	-	45.165.060.093
Tại ngày cuối năm	<u>22.411.290.962</u>	<u>-</u>	<u>22.411.290.962</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.426.453.067 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.255.296.000	55.000.000	7.310.296.000
Số dư cuối năm	<u>7.255.296.000</u>	<u>55.000.000</u>	<u>7.310.296.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	18.875.451	18.875.451
- Khấu hao trong năm	-	18.333.336	18.333.336
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>37.208.787</u>	<u>37.208.787</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	7.255.296.000	36.124.549	7.291.420.549
Tại ngày cuối năm	<u>7.255.296.000</u>	<u>17.791.213</u>	<u>7.273.087.213</u>

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tàu Tranco Glory	1.287.086.869	484.649.343
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	49.095.616	117.833.542
	<u>1.336.182.485</u>	<u>602.482.885</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tàu Tranco Sky	-	293.029.667
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.822.915	23.947.919
	<u>8.822.915</u>	<u>316.977.586</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo đối tượng có số dư lớn				
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	-	-	1.298.581.600	1.298.581.600
Wongsamut Ocean Shipping Company Limited	935.763.840	935.763.840	1.817.639.550	1.817.639.550
KPI Oceanconnect Pte Limited	-	-	2.279.475.000	2.279.475.000
Fratelli Cosulich Bunkers (HK) Limited	-	-	1.489.141.875	1.489.141.875
Monjasa PTE Ltd	3.325.585.270	3.325.585.270	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	1.178.831.053	1.178.831.053	796.863.155	796.863.155
Phải trả nhà cung cấp khác	1.955.226.055	1.955.226.055	1.338.245.028	1.338.245.028
	<u>7.395.406.218</u>	<u>7.395.406.218</u>	<u>9.019.946.208</u>	<u>9.019.946.208</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	101.999.949	-	-	-	11.381.746.551	-	2.096.631.500	-	-	-	9.183.115.102	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	168.186.780	-	-	570.186.681	-	732.123.461	-	-	-	6.250.000	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	-	8.925.000	-	8.925.000	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-	152.911.246	-	157.911.246	-	5.000.000	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	284.315.661	-	284.315.661	-	-	-	-	-
	101.999.949		168.186.780		12.398.085.139		3.279.906.868		5.000.000		9.189.365.102	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
- Chi phí lãi vay	VND	VND
- Chi phí vận chuyển nội địa, cảng phí phải trả	-	2.876.974
	-	624.424.182
		627.301.156

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
- Kinh phí công đoàn	VND	VND
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên đã rời tàu	72.425.752	49.278.312
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	30.478.969
	32.090.244	21.750.341
	104.515.996	101.507.622

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

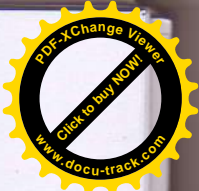
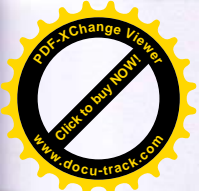
P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

18 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	VND 4.773.180.587	VND 4.773.180.587	VND 21.364.607.696	VND 26.137.788.283	VND -	VND -
	4.773.180.587	4.773.180.587	21.364.607.696	26.137.788.283	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

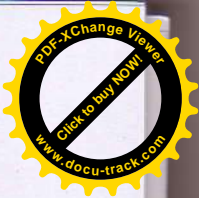
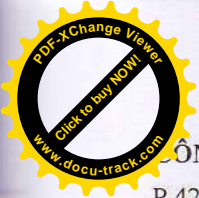
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	86.000.000.000	8.057.985.173	(3.411.213.564)	95.654.756.609
Lãi trong năm trước	-	-	17.241.736.244	17.241.736.244
Phân phối lợi nhuận	-	108.371.522	(238.417.348)	(130.045.826)
Số dư cuối năm trước	86.000.000.000	8.166.356.695	13.592.105.332	112.766.447.027
Số dư đầu năm nay	86.000.000.000	8.166.356.695	13.592.105.332	112.766.447.027
Lãi trong năm nay	-	-	49.362.374.775	49.362.374.775
Phân phối lợi nhuận	-	862.086.812	(10.496.590.387)	(9.634.503.575)
Số dư cuối năm nay	86.000.000.000	9.028.443.507	52.457.889.720	152.494.318.227

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100%	17.241.736.244
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00%	862.086.812
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,00%	1.034.503.575
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	49,88%	8.600.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	39,12%	6.745.145.857

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	28.800.000.000	33,49%	28.800.000.000	33,49%
Công ty Cổ phần Transimex	42.581.800.000	49,51%	28.364.000.000	32,98%
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	-	0,00%	4.295.800.000	5,00%
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	154.000.000	0,18%	5.186.000.000	6,03%
Các cổ đông khác	14.464.200.000	16,82%	19.354.200.000	22,50%
	86.000.000.000	100%	86.000.000.000	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	86.000.000.000	86.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	<u>86.000.000.000</u>	<u>86.000.000.000</u>
- Vốn góp cuối năm	<u>86.000.000.000</u>	<u>86.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	8.600.000.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	8.600.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(8.600.000.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(8.600.000.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.028.443.507	8.166.356.695
	<u>9.028.443.507</u>	<u>8.166.356.695</u>

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê tài sản văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

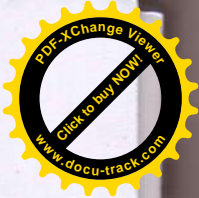
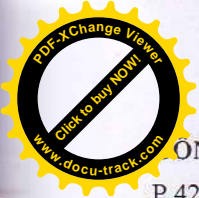
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	462.388.500	541.026.000
	<u>462.388.500</u>	<u>541.026.000</u>

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.143.980,59	291.657,52

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại và Dịch vụ Vận Xuân	185.771.630	185.771.630
Công ty Cổ phần Vật tư Kim khí Tiên Ngọc	82.430.000	82.430.000
	<u>268.201.630</u>	<u>268.201.630</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	155.297.724.919	137.778.458.546
Doanh thu bán hàng hóa	1.907.973.792	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.240.682.817	6.882.269.620
	167.446.381.528	144.660.728.166
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	3.711.053.600	2.379.960.000

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn hoạt động vận tải biển	133.064.752.796	114.255.373.104
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.950.731.657	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.611.217.204	6.456.412.584
	144.626.701.657	120.711.785.688

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:	-	27.600.000
<i>Trong đó:</i>		
+ Đã kết chuyển vào giá vốn hàng bán	-	27.600.000

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

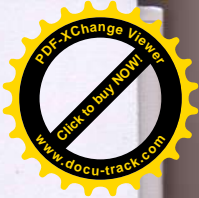
	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.895.716.401	2.473.315.957
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.025.345.787	734.389.629
	4.921.062.188	3.207.705.586

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	244.507.069	104.171.765
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	911.790.495	93.666.267
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.537.161.342	48.447.330
	3.693.458.906	246.285.362

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Hoa hồng phí cho các tàu	842.906.880	2.144.208.256
	842.906.880	2.144.208.256



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.656.220	41.996.874
Chi phí nhân công	5.209.185.247	5.123.020.539
Chi phí khấu hao tài sản cố định	204.678.308	250.173.948
Thuế, phí, lệ phí	28.125.000	7.463.000
Chi phí dự phòng	262.698.448	754.610.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.443.719.252	1.168.234.040
Chi phí khác bằng tiền	1.073.614.789	937.176.975
	8.302.677.264	8.282.675.573

27 . THU NHẬP KHÁC

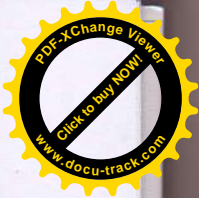
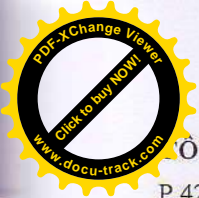
	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán tàu Transco Sky	44.050.676.319	-
Tiền phạt thu được	1.631.986.513	1.164.668.563
Thu nhập từ công nợ không phải trả	220.918.038	-
Thu nhập khác	7.072.846	22.265
	45.910.653.716	1.164.690.828

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền phạt, truy thu theo quyết định của cơ quan thuế	284.349.754	27.064.876
Khoản thưởng cho xếp dỡ hàng nhanh	134.353.334	222.741.959
Chi phí khác	147.604.109	156.626.622
	566.307.197	406.433.457

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.246.045.528	17.241.736.244
Các khoản điều chỉnh tăng	2.925.152.853	208.189.367
- Chi phí không hợp lệ	434.773.863	173.719.076
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	2.490.378.990	34.470.291
Các khoản điều chỉnh giảm	(8.745.623.124)	(17.449.925.611)
- Chuyển lỗ các năm trước	(8.138.906.961)	(17.449.925.611)
- Tăng chi phí do phân bổ chi phí sửa chữa năm 2021 vào năm 2022	(385.798.125)	-
- Thu nhập khác tính vào năm 2021 theo biên bản thanh tra thuế	(220.918.038)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	54.425.575.257	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	10.885.115.051	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	496.631.500	1.582.800
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(101.999.949)	(103.582.749)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.096.631.500)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	9.183.115.102	(101.999.949)



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	498.075.798	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u><u>498.075.798</u></u>	<u><u>-</u></u>

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(498.075.798)	-
	<u><u>(498.075.798)</u></u>	<u><u>-</u></u>

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

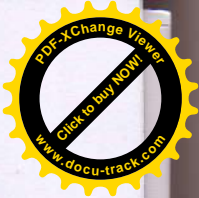
	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	49.362.374.775	17.241.736.244
Các khoản điều chỉnh:	(2.961.742.487)	(1.034.504.175)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(2.961.742.487)	(1.034.504.175)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	46.400.632.288	16.207.232.069
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.600.000	8.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>5.395</u></u>	<u><u>1.885</u></u>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2022, Công ty dự kiến trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với mức 6% lợi nhuận sau thuế năm 2022.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.662.582.762	56.325.014.392
Chi phí nhân công	26.839.220.619	23.080.286.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.748.742.106	12.949.956.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.691.617.476	34.490.232.492
Chi phí khác bằng tiền	4.616.692.733	3.538.568.819
	<u><u>151.558.855.696</u></u>	<u><u>130.384.059.320</u></u>



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

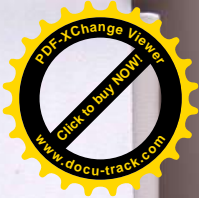
Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.758.605.295	-	-	53.758.605.295
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.175.806.193	85.500.000	-	4.261.306.193
Các khoản cho vay	60.200.000.000	-	-	60.200.000.000
	<u>118.134.411.488</u>	<u>85.500.000</u>	<u>-</u>	<u>118.219.911.488</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền	7.851.323.417	-	-	7.851.323.417
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.222.482.192	85.500.000	-	4.307.982.192
Các khoản cho vay	57.200.000.000	-	-	57.200.000.000
	<u>69.273.805.609</u>	<u>85.500.000</u>	<u>-</u>	<u>69.359.305.609</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.499.922.214	-	-	7.499.922.214
	<u>7.499.922.214</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>7.499.922.214</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	4.773.180.587	-	-	4.773.180.587
Phải trả người bán, phải trả khác	9.121.453.830	-	-	9.121.453.830
Chi phí phải trả	627.301.156	-	-	627.301.156
	<u>14.521.935.573</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>14.521.935.573</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

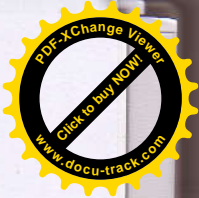
35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Transimex	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	Ông Tạ Mạnh Cường là thành viên Hội đồng quản trị Công ty và công ty này; Ông Mai Trọng Tài - Thành viên Ban kiểm soát công ty đồng thời là Kế toán trưởng Công ty này

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và người quản lý khác của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu	3.711.053.600	2.379.960.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội	3.711.053.600	2.379.960.000
Mua dịch vụ	-	27.600.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội	-	27.600.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt	1.591.742.652	1.078.243.892
Ông Nguyễn Bảo Trung - Chủ tịch Hội đồng quản trị	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Duy Hiệp - Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị	33.000.000	36.000.000
Ông Vương Ngọc Sơn - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Tất Hưng - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc	821.292.298	519.560.773
Bà Phạm Thị Anh Thư - Thành viên Hội đồng quản trị	36.000.000	36.000.000
Ông Tạ Mạnh Cường - Thành viên Hội đồng quản trị	3.000.000	
Ông Phan Duy Vân - Phó Giám đốc	626.450.354	378.683.119
Thu nhập của các thành viên trong Ban kiểm soát	72.000.000	72.000.000



Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập

Trần Thị Thanh Nhạn
Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 09 tháng 03 năm 2023